

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo, P Mỹ Quý, TP Long Xuyên-An Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đã hợp nhất

Quý 04-2012

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 04		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	7	8
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		432,981,470,565	558,043,144,903	1,746,893,592,122	1,769,393,138,077
2 Các khoản giảm trừ	02		5,373,116,421	7,233,235,655	18,388,758,930	14,173,039,171
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d	10	VI1	427,608,354,144	550,809,909,248	1,728,504,833,192	1,755,220,098,906
4 Giá vốn hàng bán	11	VI2	361,073,753,656	472,692,886,188	1,501,958,542,793	1,575,125,239,040
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		66,534,600,488	78,117,023,060	226,546,290,399	180,094,859,866
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI3	9,197,205,477	31,513,367,546	21,614,038,255	92,450,464,545
7 Chi phí tài chính	22	VI4	13,411,800,134	19,741,613,803	64,550,661,279	66,110,664,643
- Trong đó : Lãi vay phải trả	23		12,935,506,951	15,288,042,700	63,937,706,924	48,272,633,552
8 Chi phí bán hàng	24	VI5	46,399,910,140	32,194,852,981	117,658,403,517	96,024,547,827
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI6	12,006,732,810	27,368,731,274	43,965,798,780	54,346,929,166
10 Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 2	30		3,913,362,881	30,325,192,548	21,985,465,078	56,063,182,775
11 Thu nhập khác	31		9,115,913,925	786,717,281	34,849,059,093	12,768,106,617
12 Chi phí khác	32		4,788,910,878	3,576,850,510	31,433,442,449	22,341,064,266
13 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4,327,003,047	(2,790,133,229)	3,415,616,644	(9,572,957,649)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+4	50		8,240,365,928	27,535,059,319	25,401,081,722	46,490,225,126
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		57,393,961	-	255,948,020	-
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		11,306,611	-	11,306,611	142,672,235
17 Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51-52)	60		8,171,665,356	27,535,059,319	25,133,827,091	46,347,552,891
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	70		132,504,243	(9,109,500,923)	(9,181,496,358)	(27,078,876,913)
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Cty mẹ			8,039,161,113	36,644,560,242	34,315,323,449	73,426,429,804

Người lập biểu

[Signature]
 Dương Minh Phong

Kế toán trưởng

[Signature]
 Trần Minh Cảnh

Ngày 14 tháng 02 năm 2013

Tổng giám đốc

[Signature]
 NGUYỄN DUY NHẬT
 CÔNG TY CP NAM VIỆT
 TP. LONG XUYẾN - T. AN GIANG
 M.S.D.N. 1600188138

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo, P Mỹ Quý, TP Long Xuyên-An Giang

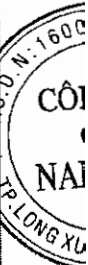
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày: 31 tháng 12 năm 2012

Đã hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối quý	Số đầu năm
		minh		
1	2	3	4	5
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,484,407,805,279	1,216,406,795,270
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V01	76,608,553,761	150,359,706,491
1 Tiền	111		60,360,153,761	24,749,802,491
2 Các khoản tương đương tiền	112		16,248,400,000	125,609,904,000
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V02	64,806,657,283	68,397,375,756
1 Đầu tư ngắn hạn	121		64,806,657,283	68,397,375,756
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III Các khoản phải thu	130		545,376,779,721	571,344,914,445
1 Phải thu của khách hàng	131	V03	576,344,276,212	587,228,827,463
2 Trả trước cho người bán	132	V04	22,022,241,643	31,638,181,875
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V05	14,222,727,209	19,082,188,300
6 Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V06	(67,212,465,343)	(66,604,283,193)
IV Hàng tồn kho	140	V07	762,766,694,081	383,251,484,104
1 Hàng tồn kho	141		767,713,729,737	389,261,158,160
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4,947,035,656)	(6,009,674,056)
V Tài sản ngắn hạn khác	150	V08	34,849,120,433	43,053,314,474
1 Chi phí trả trước	151		1,958,133,161	
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		25,779,004,375	8,698,432,015
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		7,111,982,897	34,354,882,459
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		968,621,320,639	937,119,961,096
I Các khoản phải thu dài hạn	210			
1 Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2 Vốn kinh doanh ở các đơn vị nội bộ	212		-	-
3 Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4 Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II Tài sản cố định	220		546,578,816,514	651,445,020,388
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V09	270,723,404,277	456,127,470,754
- Nguyên giá	222		777,355,009,354	895,711,884,718
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(506,631,605,077)	(439,584,413,964)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V10	35,715,458,314	
- Nguyên giá	225		36,781,113,206	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1,065,654,892)	-
3 Tài sản cố định vô hình	227	V11	109,074,847,561	26,116,761,340
- Nguyên giá	228		109,348,288,893	28,147,770,403
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(273,441,332)	(2,031,009,063)
4 Chi phí XDCB dở dang	230	V12	131,065,106,362	169,200,788,294
III Bất động sản đầu tư	240			

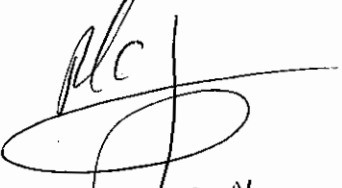


- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V13	404,116,500,000	280,966,824,000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		159,612,500,000	39,150,000,000
3 Đầu tư dài hạn khác	258		244,504,000,000	253,704,000,000
4 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	(11,887,176,000)
V Tài sản dài hạn khác	260	V14	17,926,004,125	4,708,116,708
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		15,000,261,502	4,393,567,474
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		303,242,623	314,549,234
3 Tài sản dài hạn khác	268		2,622,500,000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,453,029,125,918	2,153,526,756,366
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,028,430,508,541	650,903,010,480
I Nợ ngắn hạn	310		1,002,462,299,290	629,719,815,933
1 Vay ngắn hạn	311	V15	788,366,835,602	456,761,914,986
2 Phải trả cho người bán	312	V16	125,939,416,033	63,820,220,368
3 Người mua trả tiền trước	313	V17	13,259,617,315	11,966,273,658
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V18	1,868,649,567	5,358,254,964
5 Phải trả công nhân viên	315	V19	24,895,493,230	5,447,822,194
6 Chi phí phải trả	316		1,093,918,819	2,293,408,955
7 Phải trả cho nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác khác	319	V20	43,109,189,733	67,653,589,405
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3,929,178,991	16,418,331,403
II Nợ dài hạn	330		25,968,209,251	21,183,194,547
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V21	25,968,209,251	19,440,855,200
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V22	-	1,742,339,347
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1,423,712,468,737	1,446,837,213,565
IVốn chủ sở hữu	410	V23	1,423,712,468,737	1,446,837,213,565
1 Vốn đầu tư chủ sở hữu	411		660,000,000,000	660,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		611,965,459,100	611,965,459,100
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4 Cổ phiếu quỹ	414		(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
5 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		179,164,639,485	202,289,384,313
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

6873
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 VIỆT
 HEN - T. AN

II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
III Lợi ích của cổ đông thiểu số			886,148,640	55,786,532,321
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	430		2,453,029,125,918	2,153,526,756,366

Người lập


Dương Minh Phong

Kế toán trưởng

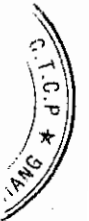

Trần Minh Cảnh

Thủ trưởng đơn vị



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Duy Nhật



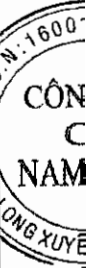
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

19D Trần Hưng Đạo - Mỹ Quý - Long Xuyên - An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
ĐÃ HỢP NHẤT
 (Quý 04 năm 2012)

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối quý
I	Tài sản ngắn hạn	1,216,406,795,270	1,484,407,805,279
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	150,359,706,491	76,608,553,761
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	68,397,375,756	64,806,657,283
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	571,344,914,445	545,376,779,721
4	Hàng tồn kho	383,251,484,104	762,766,694,087
5	Tài sản ngắn hạn khác	43,053,314,474	34,849,120,433
II	Tài sản dài hạn	937,119,961,096	968,621,320,639
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	651,445,020,388	546,578,816,514
	- Tài sản cố định hữu hình	456,127,470,754	270,723,404,277
	- Tài sản cố định vô hình	26,116,761,340	109,074,847,561
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	35,715,458,314
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	169,200,788,294	131,065,106,362
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	280,966,824,000	404,116,500,000
5	Tài sản dài hạn khác	4,708,116,708	17,926,004,125
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2,153,526,756,366	2,453,029,125,918
IV	Nợ phải trả	650,903,010,480	1,028,430,508,541
1	Nợ ngắn hạn	629,719,815,933	1,002,462,299,290
2	Nợ dài hạn	21,183,194,547	25,968,209,251
V	Vốn chủ sở hữu	1,446,837,213,565	1,423,712,468,737
1	Vốn chủ sở hữu	1,446,837,213,565	1,423,712,468,737
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	660,000,000,000	660,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	611,965,459,100	611,965,459,100
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ	(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	202,289,384,313	179,164,639,485
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	55,786,532,321	886,148,640
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2,153,526,756,366	2,453,029,125,918



II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	432,981,470,565	1,746,893,592,122
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	5,373,116,421	18,388,758,930
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	427,608,354,144	1,728,504,833,192
4	Giá vốn hàng bán	361,073,753,656	1,501,958,542,793
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66,534,600,488	226,546,290,399
6	Doanh thu hoạt động tài chính	9,197,205,477	21,614,038,255
7	Chi phí tài chính	13,411,800,134	64,550,661,279
8	Chi phí bán hàng	46,399,910,140	117,658,403,517
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,006,732,810	43,965,798,780
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3,913,362,881	21,985,465,078
11	Thu nhập khác	9,115,913,925	34,849,059,093
12	Chi phí khác	4,788,910,878	31,433,442,449
13	Lợi nhuận khác	4,327,003,047	3,415,616,644
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,240,365,928	25,401,081,722
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	68,700,572	267,254,631
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8,171,665,356	25,133,827,091
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

Ngày 14 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc
NGUYỄN DUY NHẬT



Nguyễn Duy Nhật



LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)

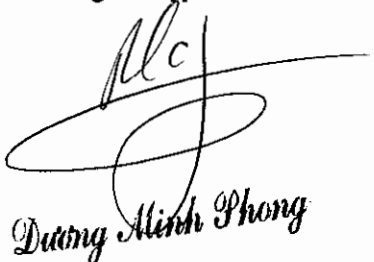
Đã hợp nhất

Quý 04/2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm này	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,628,239,472,411	1,790,082,722,014
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,571,650,246,247)	(1,414,043,585,201)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(162,676,820,533)	(121,234,427,849)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(87,491,974,620)	(45,428,125,197)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(247,563,008)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2,436,940,395,960	2,372,770,837,271
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2,320,079,829,281)	(2,322,824,049,835)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(76,966,565,318)	259,323,371,203
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21			(4,950,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(169,729,487,684)	(105,487,285,672)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		67,921,437,556	79,574,362,344
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(126,752,287,400)	(27,554,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		40,401,975,169	370,583,700
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,114,994,345	9,967,583,742
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(186,043,368,014)	(48,078,755,886)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32			(2,000,220,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2,654,927,238,701	944,965,534,800
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,465,599,520,238)	(1,018,873,993,181)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(57,016,439,700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		189,327,718,463	(132,925,118,081)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(73,682,214,869)	78,319,497,236
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		150,359,706,491	71,160,812,400
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(68,937,861)	879,396,855
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V01	76,608,553,761	150,359,706,491

Người lập


Dương Minh Phong

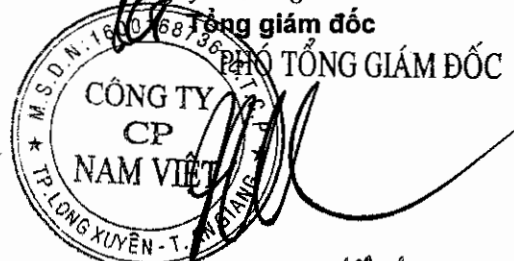
Kế toán trưởng


Trần Minh Cảnh

Ngày 14 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng


Nguyễn Duy Nhật



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢN HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, chế biến thủy sản.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Ngày 01/10/2012 thoái vốn 45% cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ Phần Cromit Nam Việt. Sau khi thoái vốn Navico còn giữ 6% vốn điều lệ và không còn nắm giữ quyền kiểm soát của công ty Cổ Phần Cromit Nam Việt kể từ ngày thoái vốn.

Công ty Cổ Phần nam Việt mua lại 90,91% Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông ngày 17/08/2012 và nắm giữ quyền kiểm soát từ ngày 11/10/2012.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 tháng đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 tháng đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó, Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định (theo thông tư 203/2009/TT- BTC) như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6-30
Máy móc và thiết bị	3-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2-7

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Chi phí đền bù được khấu hao từ 6-7 năm, quyền sử dụng đất nhà máy đông lạnh (tiền sử dụng đất) không tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng, Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

7. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc, Dự phòng đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

8. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo qui định của giấy chứng nhận đầu tư số 57104100001 ngày 02 tháng 07 năm 2007. Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất hoạt động sản xuất chế biến thủy sản 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương được miễn thuế TNDN trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần 4 số 521022000154 ngày 11 tháng 10 năm 2012 do Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp. Thuế suất thuế TNDN 25%.

10. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận theo thông tư 201/2009/TT- BTC.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012 của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt hợp nhất với báo cáo tài chính của 2 Công ty con là:

	% sở hữu trong giấy phép của công ty con
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	100%
Công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	90,91%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tiền mặt	1,477,373,632	3,927,663,866
Tiền gửi ngân hàng	58,882,780,129	20,822,138,625
Các khoản tương đương tiền (*)	16,248,400,000	125,609,904,000
Cộng	<u>76,608,553,761</u>	<u>150,359,706,491</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Cho cá nhân vay	58,333,655,670	68,226,316,740
Cho công ty Cổ Phần Cromit Nam Việt vay	6,023,001,613	
Cho công ty TNHH Đại Tây Dương vay	450,000,000	171,059,016
Cộng	<u>64,806,657,283</u>	<u>68,397,375,756</u>

3. Các khoản phải thu

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	470,867,408,263	478,269,054,235
Tại công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương (**)	73,775,840,499	77,967,355,942
Tại công ty CP Cromit Nam Việt		30,992,417,286
Tại công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	31,701,027,450	
Cộng	<u>576,344,276,212</u>	<u>587,228,827,463</u>

(*) Tại công ty CP. Nam Việt

Phải thu bán thành phẩm	315,198,942,894
Phải thu phí ủy thác và các khoản trả hộ	94,667,983,581
Phải thu tiền thoái vốn cổ phần Cromit Nam Việt	25,293,101,305
Phải thu tiền hóa chất	11,512,195,051
Phải thu bán tài sản, lãi cho Cromit Nam Việt vay	11,739,286,400
Phải thu bán tài sản	9,164,246,722
Phải thu bán Gelatin	979,724,822
Phải thu bán phụ phẩm	15,081,700
Thu khác	2,296,845,788
Cộng	<u>470,867,408,263</u>

(**) Tại công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương

Phải thu bán thành phẩm	73,774,247,499
Thu khác	1,593,000
Cộng	<u>73,775,840,499</u>

4. Trả trước người bán

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	20,074,204,071	14,155,693,977
Tại công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	1,933,037,572	1,961,245,200
Tại công ty CP Cromit Nam Việt		15,521,242,698
Tại công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông	15,000,000	
Cộng	<u>22,022,241,643</u>	<u>31,638,181,875</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

(*Tại công ty Cổ Phần Nam Việt

Mua nguyên liệu chế biến thức ăn cho cá	11,136,723,574
Ứng trước chi phí gia công Genlatin	3,767,488,203
Đầu tư nuôi cá	1,999,280,564
Mua tài sản	810,697,177
Mua xe nâng cho nhà máy đông lạnh	693,000,000
Tham gia hội chợ	654,694,903
Mua máy bơm vùng nuôi	273,036,300
Ứng trước cho người bán cá	200,000,000
Chi phí thuê đất Ngọc Sinh	50,000,000
Chi phí thuê đào ao nuôi cá	50,472,600
Ứng mua đất Bình Thạnh	50,000,000
Mua vật tư và các loại khác	388,810,750
Cộng	<u>20,074,204,071</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Lãi cho vay	6,996,313,103	8,950,061,778
Thuế GTGT, thuế nhập khẩu phải thu	103,714,082	507,186,975
Chi hộ tập đoàn Hợp Kim Sắt Hồ Nam		4,272,220,158
Chi hộ cước vận chuyển cty CP Ba Long	69,435,270	69,435,270
Tiền, vật tư cho mượn	2,690,850,000	890,181,266
Phải thu lương, bảo hiểm chi hộ Cromit	2,026,239,082	
Các khoản phải thu khác	2,336,175,672	4,393,102,853
Cộng	<u>14,222,727,209</u>	<u>19,082,188,300</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	67,212,465,343	66,604,283,193
Cộng	<u>67,212,465,343</u>	<u>66,604,283,193</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Nguyên vật liệu	39,512,643,052	55,061,840,340
Công cụ dụng cụ	2,960,781,579	4,617,574,623
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang(*)	441,113,651,754	126,176,194,943
Thành phẩm	270,282,602,121	188,927,850,713
Hàng gửi đi bán	13,844,051,231	14,477,697,541
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4,947,035,656)	(6,009,674,056)
Cộng	<u>762,766,694,081</u>	<u>383,251,484,104</u>

(*Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Chi phí nuôi cá	440,467,849,097
Chi phí bao bì	645,802,657
Cộng	<u>441,113,651,754</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý		87,070,818
Chi phí trả trước	1,958,133,161	
Tạm ứng mua hàng	6,758,297,630	28,740,474,207
Thuế GTGT được khấu trừ	25,779,004,375	8,698,432,015
Ký quỹ	353,685,267	5,527,337,434
Cộng	<u>34,849,120,433</u>	<u>43,053,314,474</u>

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 31/12/2011	<u>328,837,706,538</u>	<u>505,680,083,431</u>	<u>50,777,771,820</u>	<u>10,416,322,929</u>	<u>895,711,884,718</u>
Tăng trong kỳ	32,413,750,753	90,166,236,173	4,184,332,232	837,446,853	127,601,766,011
Tăng mua lại công ty TS Biển Đông		63,930,740			
Giảm trong kỳ	(3,842,080,542)	(20,369,185,313)	(314,405,502)	(76,460,000)	(24,602,131,357)
Giảm thoái vốn công ty CP Cromit Nam Việt	(101,693,761,171)	(111,727,564,442)	(7,907,833,760)	(91,281,385)	(221,420,440,758)
Tại ngày 31/12/2012	<u>255,715,615,578</u>	<u>463,813,500,589</u>	<u>46,739,864,790</u>	<u>11,086,028,397</u>	<u>777,355,009,354</u>
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 31/12/2011	<u>152,657,818,846</u>	<u>248,085,957,208</u>	<u>29,706,676,297</u>	<u>9,133,961,613</u>	<u>439,584,413,964</u>
Tăng trong kỳ	39,848,193,216	65,933,821,148	6,506,775,686	693,246,620	112,982,036,670
Tăng mua lại công ty TS Biển Đông		63,930,740			
Giảm trong kỳ	(1,122,080,542)	(1,698,977,738)			(2,821,058,280)
Giảm thoái vốn công ty CP Cromit Nam Việt	(17,617,131,643)	(22,244,848,858)	(3,271,294,647)	(44,442,869)	(43,177,718,017)
Tại ngày 31/12/2012	<u>173,766,799,877</u>	<u>290,139,882,500</u>	<u>32,942,157,336</u>	<u>9,782,765,364</u>	<u>506,631,605,077</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm 2012	<u>176,179,887,692</u>	<u>257,594,126,223</u>	<u>21,071,095,523</u>	<u>1,282,361,316</u>	<u>456,127,470,754</u>
Số dư cuối quý 4/2012	<u>81,948,815,701</u>	<u>173,673,618,089</u>	<u>13,797,707,454</u>	<u>1,303,263,033</u>	<u>270,723,404,277</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ		
Tại ngày 31/12/2011		
Tăng trong kỳ	36,781,113,206	36,781,113,206
Giảm trong kỳ		
Tại ngày 31/12/2012	<u>36,781,113,206</u>	<u>36,781,113,206</u>
Khấu hao lũy kế		
Tại ngày 31/12/2011		
Tăng trong kỳ	1,065,654,892	1,065,654,892
Giảm trong kỳ		
Tại ngày 31/12/2012	<u>1,065,654,892</u>	<u>1,065,654,892</u>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm 2012		
Số dư cuối quý 4/2012	<u>35,715,458,314</u>	<u>35,715,458,314</u>

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2011	<u>27,738,539,403</u>	<u>409,231,000</u>	<u>28,147,770,403</u>
Tăng trong kỳ	92,672,752,071	82,338,000	92,755,090,071
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm thoái vốn CP Cromit Nam Việt	11,554,571,581		11,554,571,581
Tại ngày 31/12/2012	<u>108,856,719,893</u>	<u>491,569,000</u>	<u>109,348,288,893</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 31/12/2011	<u>1,808,930,063</u>	<u>222,079,000</u>	<u>2,031,009,063</u>
Tăng trong kỳ	1,379,283,363	51,362,332	1,430,645,695
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm thoái vốn CP Cromit Nam Việt	3,188,213,426		
Tại ngày 31/12/2012		<u>273,441,332</u>	<u>273,441,332</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm 2012	<u>25,929,609,340</u>	<u>187,152,000</u>	<u>26,116,761,340</u>
Số dư cuối quý 4/2012	<u>108,856,719,893</u>	<u>218,127,668</u>	<u>109,074,847,561</u>

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2011	<u>169,200,788,294</u>
Tăng trong kỳ	179,377,747,555
Giảm trong kỳ	217,513,429,487
Tại ngày 31/12/2012	<u>131,065,106,362</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Trong đó:

Dự án các khu nuôi trồng thủy sản	96,679,606,052
Chi phí xây dựng cơ bản vùng nuôi	21,202,243,355
Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn	11,713,041,241
Chi phí khác	1,470,215,714
Cộng	131,065,106,362

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Đầu tư vào Cty liên kết (1*)	159,612,500,000	39,150,000,000
Đầu tư chứng khoán (2*)	135,000,000,000	155,200,000,000
Đầu tư dài hạn khác (3*)	109,504,000,000	98,504,000,000
DP giảm giá ĐTTTC dài hạn		(11,887,176,000)
Cộng	404,116,500,000	280,966,824,000

(*)Chi tiết tên các đơn vị được đầu tư:

	Vốn Đầu Tư	Số lượng	Mệnh giá
(1*) 1-Cty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	159,612,500,000		
(2*) 2- Ngân Hàng TM CP Phát Triển Mê Kông	135,000,000,000	5,400,000	10,000
(3*) 1- Góp vốn Cty CP Bảo Hiểm Hàng Không	43,200,000,000	4,000,000	10,000
2- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	20,000,000,000	200	100,000,000
3- Góp vốn Cty Tài chính CP Hoá chất Việt Nam	10,000,000,000	1,000,000	10,000
4- Góp vốn Cty CP Quản Lý Quỹ Hùng Việt	5,000,000,000	-	-
5- Góp vốn cty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20,304,000,000		
6- Góp vốn cty CP Cromit Nam Việt	11,000,000,000		

14. Tài sản dài hạn khác

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Chi phí trả trước dài hạn	15,000,261,502	4,393,567,474
Ký quỹ mua dây chuyền chế biến thức ăn	2,622,500,000	
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	303,242,623	314,549,234
Cộng	17,926,004,125	4,708,116,708

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Ngân hàng Vietcombank An Giang	294,543,480,245	185,303,977,135
Ngân hàng XNK Việt Nam-Eximbank	71,232,738,916	31,000,000,000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - AG	132,000,000,000	123,145,200,000
Ngân hàng Phát Triển - CN An Giang	48,000,000,000	
Ngân hàng Vietinbank		94,167,993,651
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển -CN		
Châu Đốc	122,354,122,736	
Cá Nhân	94,711,528,844	3,703,889,000
Nợ dài hạn đến hạn trả NH An Bình, ACB	25,524,964,861	19,440,855,200
Cộng	788,366,835,602	456,761,914,986

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**16. Phải trả người bán**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	113,588,971,233	36,812,441,029
Tại công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	2,519,078,189	2,106,691,947
Tại công ty CP Cromit Nam Việt		24,901,087,392
Tại công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông(**)	9,831,366,611	
Cộng	<u>125,939,416,033</u>	<u>63,820,220,368</u>

(*) Tại công ty Cổ Phần Nam Việt

Mua cá nguyên liệu	70,589,396,590
Mua thuốc thủy sản	8,363,686,417
Cước tàu	8,301,922,439
Chi phí gia công thức ăn	7,945,460,571
Lắp đặt dây chuyền chế biến thức ăn	7,073,704,201
Mua cổ phần Biển Đông	3,499,104,000
Mua máy móc, thiết bị	3,259,718,082
Mua giấy	1,700,066,679
Mua hóa chất	868,558,040
Chi phí thuê đào ao nuôi cá	451,129,813
Tiền com	261,888,000
Mua trâu	245,270,000
Phải trả mua vật tư, dịch vụ khác	1,029,066,401
Cộng	<u>113,588,971,233</u>

() Tại công ty TNHH Thủy Sản Biển Đông**

Mua thành phẩm fillet	9,552,725,455
Phải trả mua vật tư, dịch vụ khác	278,641,156
Cộng	<u>9,831,366,611</u>

17. Người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tại công ty Cổ Phần Nam Việt (*)	13,020,949,263	11,756,655,063
Tại công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	238,668,052	10,606,300
Tại công ty CP Cromit Nam Việt		199,012,295
Cộng	<u>13,259,617,315</u>	<u>11,966,273,658</u>

(*) Tại công ty Cổ Phần Nam Việt

Bán thành phẩm cá fillet	10,811,489,595
Bán phụ phẩm	1,304,899,454
Khác	904,560,215
Cộng	<u>13,020,949,264</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Thuế GTGT	461,637,713	350,623,442
Thuế xuất nhập khẩu	775,091,786	550,720,265
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12,728,067	3,973,883,885
Thuế thu nhập cá nhân	613,366,121	132,108,452
Thuế tài nguyên	5,825,880	350,918,920
Cộng	<u>1,868,649,567</u>	<u>5,358,254,964</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Doanh thu bán mỡ cá	10%
Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm nội địa	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%

19. Phải trả công nhân viên

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Tiền lương còn phải trả công nhân viên	24,895,493,230	5,447,822,194
Cộng	<u>24,895,493,230</u>	<u>5,447,822,194</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Vật tư, hàng hóa tạm nhập	38,711,198,941	62,969,802,086
Bảo hiểm phải nộp	1,184,011,539	1,071,822,637
Cổ tức phải trả	922,684,500	811,843,200
Phải trả phải nộp khác	2,291,294,753	2,800,121,482
Cộng	<u>43,109,189,733</u>	<u>67,653,589,405</u>

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Ngân hàng An Bình Cần Thơ		19,440,855,200
Công Ty Cho Thuê Tài Chính NH Á Châu	25,968,209,251	
Cộng	<u>25,968,209,251</u>	<u>19,440,855,200</u>

Khoản vay Ngân hàng An Bình Cần Thơ theo Hợp đồng vay số 0479/2007/HĐTD(14/09/2007)

Mục đích vay : Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Ấn Độ Dương

+ Số tiền vay	: 270,000,000,000 VNĐ
+ Thời hạn vay	: 6 năm

22. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Tại ngày 31/12/2011	<u>1,742,339,347</u>
Số trích lập trong quý	
Số chi trong quý	579,877,896
Hoàn nhập trong quý	1,162,461,451
Tại ngày 31/12/2012	<u>0</u>

23. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư tại ngày 31/12/2011	<u>660,000,000,000</u>	<u>611,965,459,100</u>	<u>(27,417,629,848)</u>	<u>202,289,384,313</u>
Tăng trong kỳ				213,125,280,789
Giảm trong kỳ				236,250,025,617
Số dư tại ngày 31/12/2012	<u>660,000,000,000</u>	<u>611,965,459,100</u>	<u>(27,417,629,848)</u>	<u>179,164,639,485</u>

Mệnh giá cổ phần:	10,000 VNĐ
Tổng số cổ phần :	66,000,000 CP

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần**

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Doanh thu bán thành phẩm	383,489,095,769	422,176,931,669
Doanh thu bán phụ phẩm	37,984,507,841	44,031,118,973
Doanh thu bán quặng và ferocrom		84,458,383,279
Doanh thu bán thức ăn viên	2,840,730,281	
Doanh thu bán Genlatin	1,490,330,719	103,248,054
Doanh thu khác	1,803,689,534	40,227,273
Cộng	<u>427,608,354,144</u>	<u>550,809,909,248</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Giá vốn bán thành phẩm	322,793,833,638	343,330,469,283
Giá vốn bán phụ phẩm	31,613,429,051	38,716,655,762
Giá vốn bán quặng và ferocrom		90,574,628,263
Giá vốn thức ăn viên	2,473,479,911	
Giá vốn Genlatin	876,508,591	
Giá vốn khác	3,316,502,465	71,132,880
Cộng	<u>361,073,753,656</u>	<u>472,692,886,188</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6,883,296,252	8,193,266,263
Cổ tức, lợi nhuận được chia	560,000,000	3,510,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,753,909,225	19,810,101,283
Cộng	<u>9,197,205,477</u>	<u>31,513,367,546</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Lãi vay	12,935,506,951	15,546,530,602
Lỗ chênh lệch tỷ giá	45,834,236	4,730,810,801
Lỗ đầu tư tài chính	430,458,947	
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính		(535,727,600)
Cộng	<u>13,411,800,134</u>	<u>19,741,613,803</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Cước tàu, vận chuyển	32,442,279,640	22,426,430,476
Chi phí khác	13,957,630,500	9,768,422,505
Cộng	<u>46,399,910,140</u>	<u>32,194,852,981</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

6. Chi phí QLDN

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Khấu hao	406,076,612	1,690,272,663
Chi phí lương phải trả	5,665,323,553	4,331,067,281
Chi phí dự phòng	1,107,845,274	16,947,264,315
Chi phí quản lý khác	4,827,487,371	4,400,127,015
Cộng	<u>12,006,732,810</u>	<u>27,368,731,274</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Thu từ bán thanh lý tài sản	1,030,905,308	96,945,016
Thu nhập khác	8,085,008,617	689,772,265
Cộng	<u>9,115,913,925</u>	<u>786,717,281</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý IV năm 2012</u>	<u>Quý IV năm 2011</u>
Chi phí thanh lý tài sản	2,340,215,652	216,503,968
Chi phí khấu hao tài sản	1,863,429,095	3,107,717,533
Chi phí khác	585,266,131	252,629,009
Cộng	<u>4,788,910,878</u>	<u>3,576,850,510</u>

VII. THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan.

Các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng của các công ty trong tập đoàn và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

* Giao dịch với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Ban Tổng Giám Đốc

Giao dịch trong quý

Vay của ông Doãn Tới	4,627,040,000
Vay của bà Dương Thị Kim Hương	100,000,000,000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ của các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Ban Tổng Giám Đốc

Số cuối quý

Phải trả tiền vay ông Doãn Tới	4,711,528,844
Phải trả tiền vay bà Dương Thị Kim Hương	90,000,000,000

* Giao dịch với các bên liên quan khác.

- Công ty cổ phần DAP số 2 – Vinachem đầu tư liên kết.
- Công ty TNHH Đại Tây Dương là công ty của thành viên gia đình Tổng giám Đốc.
- Công ty TNHH Thanh Thiên là công ty của thành viên gia đình Tổng giám Đốc.

Công ty TNHH Đại Tây Dương.

Giao dịch trong quý

Thoái vốn cổ phần Cromit Nam Việt	42,930,000,000
Cho vay	450,000,000
Mua thành phẩm	17,636,898,695
Phải trả phí gia công	175,820,817
Cộng:	<u>61,192,719,512</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ của các công ty liên quan.

Công ty TNHH Đại Tây Dương.

Phải thu thoái vốn cổ phần Cromit Nam Việt

Phải thu khoản chi hộ phí xuất khẩu ủy thác

Phải thu vật tư cho mượn

Phải thu phí ủy thác

Phải thu khác

Cộng:

Số cuối quý

27,805,298,954

82,095,533,685

11,512,195,051

10,060,252,247

2,777,767,657

134,251,047,594

Công ty TNHH Đại Tây Dương.

Phải trả mua thành phẩm

Trả trước tiền thuê gia công

Cộng:

Số cuối quý

229,406,185

3,767,488,203

3,996,894,388

Lập biểu



Dương Minh Phong

Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh



T.C.P

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Số : ...20.../CV-KTTC

Trích yếu: "Giải trình chênh lệch
Doanh thu, lợi nhuận hợp nhất quý IV so cùng kỳ"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 14 tháng 02 năm 2013

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Nam Việt, mã chứng khoán: ANV giải trình chênh lệch lợi nhuận quý IV-2012 so cùng kỳ năm trước trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:
1-Doanh thu giảm 12% so cùng kỳ do giá xuất giảm tại hầu hết các thị trường, ngoài ra đầu quý 4/2012 công ty đã thoái vốn ra khỏi công ty cổ phần cromit Nam Việt (trước đây nắm giữ 51%, nay chỉ nắm giữ 6%) nên không hợp nhất doanh thu quý 4 công ty cổ phần cromit Nam Việt.

2-Lợi nhuận trước thuế chỉ bằng 30% so với cùng kỳ

Nguyên nhân trong kỳ tỷ giá ổn định không có số thu về chênh lệch tỷ giá như năm trước dẫn đến thu nhập từ hoạt động tài chính giảm 16 tỷ so cùng kỳ, ảnh hưởng mạnh đến lợi nhuận của doanh nghiệp

Công ty xin giải trình số liệu chênh lệch trên với quý cơ quan và cổ đông

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

-Như trên

-Ban TGD

- Lưu VT

KT/TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN DUY NHÚT